

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước quý I năm 2023 tiếp tục phục hồi và phát triển nhanh trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội; các ngành sản xuất kinh doanh đang phục hồi hoạt động, năng lực sản xuất tăng trưởng ổn định; thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng và phát triển nhanh, bền vững; bên cạnh những thuận lợi trên, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine tác động làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy giá năng lượng, nguyên liệu, khoáng sản, lương thực tăng cao đã tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất tăng trong nền kinh tế.

Trong quý I năm 2023, tỉnh Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 và Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2023. Tình hình kinh tế - xã hội trong tháng 3 và quý I năm 2023 của Lâm Đồng cũng gặp khó khăn ảnh hưởng đến tăng trưởng trên một số ngành, lĩnh vực.

1. Tăng trưởng GRDP quý I năm 2023

Cùng với cả nước việc triển khai đồng bộ các chính sách, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện tốt. Nhận định tình hình kinh tế - xã hội trong quý năm 2023, tăng trưởng hầu hết ở các ngành kinh tế, nhưng cũng có một số ngành tăng trưởng chậm hoặc giảm nhẹ. Dự ước tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Quý I năm 2023 theo giá so sánh 2010 đạt 11.118,1 tỷ đồng, tăng 5,63% so với cùng kỳ. Trong mức tăng chung của toàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.489,5 tỷ đồng, tăng 3,94%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP. Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 2.205,4 tỷ đồng, tăng 1,53%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP; trong đó ngành công nghiệp đạt 1.322,6 tỷ đồng, chiếm 59,97% trong khu vực này, tăng 0,05% so với cùng kỳ, đóng góp 0,01 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP. Khu vực dịch vụ đạt 5.740,4 tỷ đồng, tăng 7,94% so với cùng kỳ, đóng góp 4,01 điểm phần trăm trong mức tăng chung của GRDP, từ tháng 11/2022 đến nay hoạt động du lịch và dịch vụ tăng cao, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 682,8 tỷ đồng, tăng 6,75% so với cùng kỳ, với mức đóng góp 0,41 điểm phần trăm trong mức tăng GRDP.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Quý I năm 2023 theo giá hiện hành đạt 21.290,4 tỷ đồng, tăng 11,09% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 4.997,8 tỷ đồng, tăng 7,07%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 4.635,1 tỷ đồng, tăng 12,74%; khu vực dịch vụ đạt 10.353 tỷ đồng, tăng

12,23%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 1.304,4 tỷ đồng, tăng 12,32% so với cùng kỳ. Cơ cấu kinh tế Quý I năm 2023: khu vực I là 25,01%, khu vực II là 23,19% và khu vực III là 51,8%.

**Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
Quý I năm 2023**

	Quý I/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cơ cấu kinh tế (VA) Quý I/2023 (%)
Tổng số	105,63	
Tổng số VA	105,56	100,00
- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	103,94	25,01
- Khu vực công nghiệp - xây dựng	101,53	23,19
+ Trong đó: Công nghiệp	100,05	14,97
- Khu vực dịch vụ	107,94	51,80
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	106,75	

1. Hoạt động tài chính, tín dụng

1.1. Hoạt động tài chính¹

Nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách trong những tháng đầu năm 2023 các ngành chức năng tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh; tổ chức triển khai tốt Luật Quản lý thuế, triển khai hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, xăng dầu, triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính, chiến lược hiện đại hóa ngành thuế... Công tác quản lý thu, chi ngân sách địa phương cơ bản đã thực hiện đảm bảo được các khoản thu, chi theo dự toán được giao.

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 03/2023 ước đạt 1.444,8 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm 31/3/2023 ước đạt 4.500 tỷ đồng, bằng 31,03% dự toán địa phương, tăng 18,75% so với cùng kỳ. Trong đó, các khoản thu chính như sau:

- Thu nội địa tháng 3/2023 ước đạt 1.404,8 tỷ đồng. Trong quý I 2023 đạt 4.399,7 tỷ đồng, bằng 31,12% dự toán địa phương và tăng 18,73% so với cùng kỳ. Trong đó, nguồn thu từ thuế ngoài quốc doanh đạt 1.384,3 tỷ đồng, tăng 55,64%; doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đạt 310,1 tỷ đồng, giảm 1,48%; doanh nghiệp Nhà nước địa phương đạt 42,3 tỷ, tăng 97,44%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

¹ Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.

Tổng thu ngân sách địa phương trong 3 tháng đầu năm 2023 đạt 6.949,5 tỷ đồng, giảm 33,68% so với cùng kỳ.

ngoài đạt 35,9 tỷ đồng, giảm 10,78%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 833,5 tỷ đồng, tăng 119,88% so với cùng kỳ.

- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu tháng 3/2023 ước đạt 40 tỷ đồng; trong quý I năm 2023 đạt 100,3 tỷ đồng, bằng 27,86% dự toán địa phương và tăng 19,78% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương tháng 3/2023 ước đạt 839,7 tỷ đồng. Trong quý năm 2023 ước đạt 2.602,7 tỷ đồng, bằng 13,29% dự toán địa phương và bằng 51,75% so với cùng kỳ. Trong đó, chi thường xuyên 3 tháng đầu năm đạt 1.790 tỷ đồng, bằng 17,88% dự toán địa phương; chi đầu tư phát triển đạt 612,5 tỷ đồng, bằng 11,05% dự toán địa phương và giảm 6,86% so với cùng kỳ.



1.2. Hoạt động tín dụng²

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai các chủ trương, chính sách, quy định của ngành, của Nhà nước và của địa phương đến các đối tượng có liên quan. Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng có hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng. Tiếp tục thực hiện cho vay Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng với trên 1.147 khách hàng còn dư nợ, dư nợ chương trình này đến cuối tháng 3/2023 đạt 8.600 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện lãi suất: Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,51%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn dưới 1 tháng; 5,64% - 5,69%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 7,97%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 8,22%/năm.

² Nguồn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Tín dụng ngân hàng tính đến 31/3/2023

(So với thời điểm 31/12/2022)



Hoạt động huy động vốn: Ước tính đến 31/3/2023, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ước tính đạt 91.500 tỷ đồng, tăng 0,43% so với thời điểm kết thúc năm 2022. Trong đó, tiền gửi VND đạt 88.080 tỷ đồng, tăng 0,69% so với thời điểm kết thúc năm 2022; tiền gửi ngoại tệ đạt 870 tỷ đồng, giảm 7,45%. Phân theo cơ cấu tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm đạt 66.150 tỷ đồng, tăng 7,57%; tiền gửi thanh toán và ký quỹ đạt 22.800 tỷ đồng, giảm 15,31%.

Hoạt động tín dụng: Ước tính đến 31/3/2023, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 160.000 tỷ đồng, tăng 0,93% so với thời điểm kết thúc năm 2022. Trong đó dư nợ cho vay theo kỳ hạn ngắn hạn đạt 120.500 tỷ đồng, tăng 1,06% và dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 39.500 tỷ đồng, tăng 0,57% so với thời điểm kết thúc năm 2022.

Tính đến hết tháng 3/2023, tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng chiếm 0,31% trong tổng dư nợ và tăng 23,76% so với thời điểm kết thúc năm 2022.

3. Giá cả thị trường

3.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Nhìn chung trong tháng 3/2023, giá xăng dầu và giá gas giảm mạnh, đồng thời một số mặt hàng lương thực, thực phẩm cũng giảm giá do vào vụ thu hoạch nguồn cung tăng đã tác động làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2023 giảm 0,17% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với tháng 12/2022 chỉ số giá (CPI) tăng 0,65%, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,62% và bình quân 3 tháng đầu năm 2023 tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tháng 3/2023 của 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng so với tháng cùng kỳ biến động như sau: Chỉ số giá nhóm giao thông giảm 3,7% chủ yếu do giá nhiên liệu giảm 17,83%, chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,02%; còn lại 09/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng từ 0,51%

(nhóm thuốc và dịch vụ y tế, do chi phí nguyên vật liệu sản xuất và chi phí vận chuyển tăng, tác động làm tăng giá thuốc chữa bệnh) đến 8,48% (nhóm giáo dục tăng cao nhất do việc điều chỉnh tăng học phí năm học 2022-2023 từ quý 3, quý 4 năm 2022). Bình quân 3 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ, nhóm giao thông và nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá giảm lần lượt là 1,26% và 0,02%; 09/11 nhóm còn lại chỉ số giá tăng từ 0,56% (nhóm thuốc và dịch vụ y tế) đến 9,75% (nhóm giáo dục).

3.2. Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ

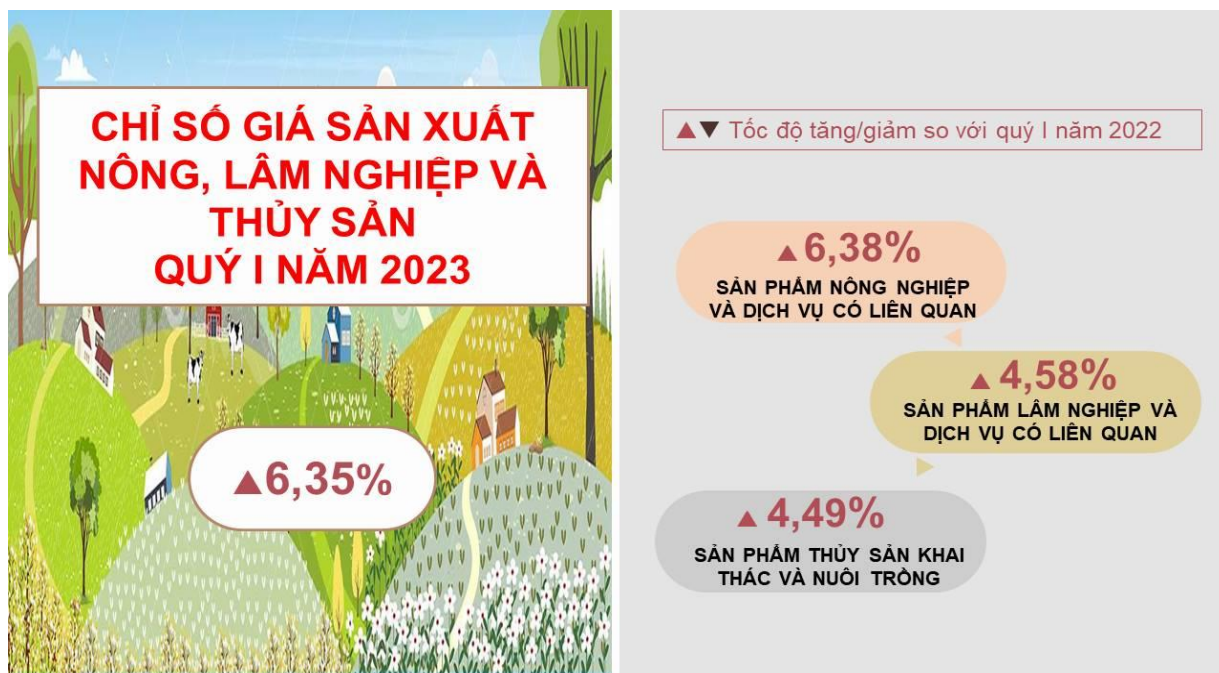
Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giá vàng 9999 bình quân dao động quanh mức 6.400 triệu đồng/chỉ. Chỉ số giá vàng tháng 3/2023 giảm 0,39% so với tháng trước; tăng 0,31% so với tháng 12/2022, giảm 4,33% so với tháng cùng kỳ và bình quân 3 tháng đầu năm 2023 tăng 1,35% so với cùng kỳ. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do dao động quanh mức 24.150 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2023 tăng 0,48% so với tháng trước, giảm 1,51% so với tháng 12/2022, tăng 2,99% so với tháng cùng kỳ và bình quân 3 tháng đầu năm 2023 tăng 2,52% so với cùng kỳ.

3.3. Chỉ số giá sản xuất

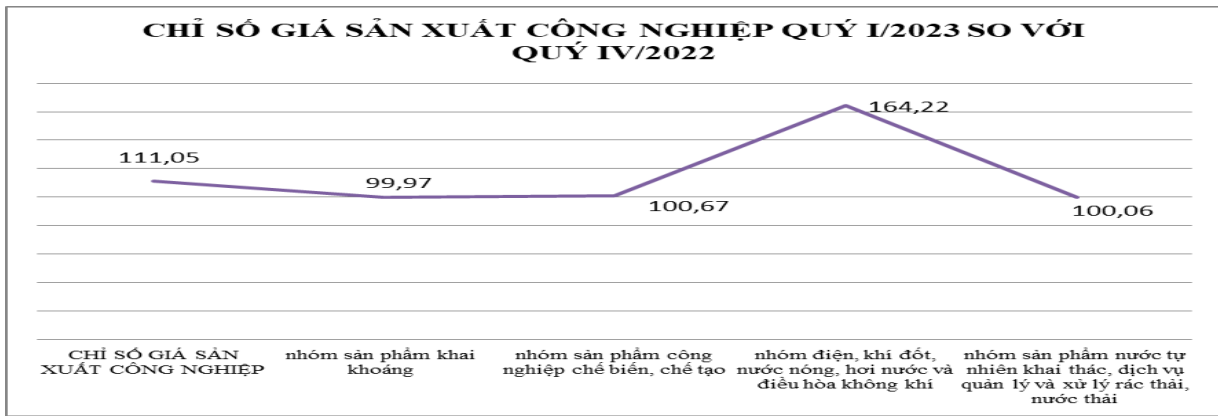
Tình hình chính trị thế giới căng thẳng đã ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu; giá cả năng lượng tăng cao, nguyên vật liệu khoáng sản do cấm vận nguồn tiêu thụ năng lượng dầu khí Liên bang Nga trên thị trường thế giới, chi phí vận chuyển tăng... cũng đã ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến nền kinh tế nước ta; tác động làm cho giá cả hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong nước nói chung cũng như trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng biến động thất thường. Tình hình kinh tế - xã hội trong quý I/2023 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có nhiều khó khăn, các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ có xu hướng tăng trưởng chậm so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2023 tăng 6,35% so với cùng kỳ và giảm 0,26% so với quý trước; trong đó, chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất nông nghiệp tăng 6,38% so với cùng kỳ và giảm 0,3% so với quý trước do nhiều mặt hàng nông sản thuộc nhóm này như: mía tươi, các mặt hàng rau lấy lá, rau lấy quả,... giá bán của người sản xuất có xu hướng giảm so với quý trước; đối với cây hàng năm tăng 6,73% so với cùng kỳ và giảm 3,17% so với quý trước; cây lâu năm tăng 8,38% so với cùng kỳ và tăng 2,56% so với quý trước, nguyên nhân là nhiều loại sản phẩm trái cây như: xoài, chuối Laba (Đà Lạt), thom, hồng Đà Lạt, dâu tây Đà Lạt,... có giá bán tăng từ 2%-5% (giá bán các loại trái cây trên tăng do nguồn cung ít trong khi nhu cầu của người dân tăng) và một số mặt hàng cây lâu năm như cà phê, chè giá cũng tăng so với quý trước; sản phẩm chăn nuôi có chỉ số giá bán giảm 1,29% so với cùng kỳ và tăng nhẹ 0,72% so với quý trước nguyên nhân chủ

yếu là do giá bán heo hơi giảm 0,53% và một số sản phẩm gia cầm cũng có giá bán thấp hơn quý trước. Sản phẩm lâm nghiệp tăng 4,58% so với cùng kỳ và tăng 3,43% so với quý trước. Sản phẩm thủy sản tăng 4,49% so với cùng kỳ và tăng 0,35% so với quý trước do nhu cầu thả nuôi mới có xu hướng tăng mạnh trở lại vào thời điểm đầu năm 2023, nguồn cung cá giống trên địa bàn có hạn, cơ sở sản xuất giống nhập từ địa phương khác về kinh doanh nên góp phần làm giá bán tăng theo...



Chỉ số giá sản xuất hàng công nghiệp quý I năm 2023 tăng 20,34% so với kỳ gốc năm 2020; các nhóm sản phẩm có chỉ số giá tăng từ 0,84% (nhóm nước, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải) đến 44,29% (nhóm điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước). So với quý trước, chỉ số giá sản xuất hàng công nghiệp tăng 11,05%; chỉ số giá tăng từ 0,06% đến 64,22% (chỉ số giá nhóm điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng cao nhất với 64,22%, do sản lượng điện sản xuất của Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi so với quý trước cao, ngoài sản lượng đủ cung cấp trong hợp đồng đã ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, sản lượng còn lại công ty chào bán trên thị trường điện với giá cao); riêng nhóm sản phẩm khai khoáng có chỉ số giá giảm 0,03% so với quý trước do chi phí khai thác và vận chuyển giảm nhẹ.



Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý I năm 2023 tăng 7,46% so với cùng kỳ và giảm 1,05% so với quý trước. So với cùng kỳ, chỉ số giá các ngành sản phẩm tăng từ 0,67% đến 13,55% (chỉ số giá nhóm sản phẩm ngành khai khoáng tăng cao nhất với 13,55% so với cùng kỳ). So với quý trước, có 03/07 nhóm có chỉ số giá tăng, 03/07 nhóm có chỉ số giá giảm, riêng chỉ số giá nhóm dịch vụ chuyên môn khoa học công nghệ ổn định so với quý trước; chỉ số giá nhóm sản phẩm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao nhất 0,95% và nhóm sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm nhiều nhất với 2,38% so với quý trước.

Chỉ số giá dịch vụ quý I năm 2023 tăng 8,26% so với kỳ gốc năm 2020 và tăng 1,24% so với quý trước. So với kỳ gốc năm 2020, chỉ số giá các nhóm dịch vụ tăng từ 0,12% đến 13,85%; một số nhóm có chỉ số giá tăng cao như nhóm vận tải kho bãi tăng cao nhất 13,85%, chủ yếu do tháng 01/2023 có Tết Nguyên đán Quý Mão, nhu cầu đi lại của người dân tăng cao, một số đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa điều chỉnh tăng phí phụ thu từ 40%-60%; nhóm dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,17% nguyên nhân do nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng của người dân tăng dẫn đến một số khách sạn, nhà nghỉ tăng giá phòng; kèm theo đó việc phục vụ, đáp ứng cho nhu cầu ăn uống ngoài gia đình cũng tăng đã tác động làm tăng chỉ số giá nhóm này; nhóm hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình tăng 11,79% so với kỳ gốc năm 2020. So với quý trước, có 10/12 nhóm có chỉ số giá tăng nhẹ từ 0,02% đến 3,9%; chỉ số giá nhóm thông tin, truyền thông và nhóm giáo dục, đào tạo giảm lần lượt 0,12% và 0,87% so với quý trước.

4. Hoạt động đầu tư

Trong quý I năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có xu hướng phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội; đối với địa phương, ngay từ đầu năm tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị của Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Tình hình triển khai thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư và đơn vị thi công phải đảm bảo

tiến độ công trình, nhất là công trình vốn đầu tư công; hoàn thành các dự án đã và đang thực hiện cũng như các dự án đã được cấp phép xây dựng mới trong năm 2023; giám sát nghiêm thu chặt chẽ các công trình xây dựng đảm bảo tiến độ và chất lượng xây dựng.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2023 ước đạt 5.842,7 tỷ đồng, tăng 10,68% so với cùng kỳ; trong đó, vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước đạt 1.179,4 tỷ đồng, tăng 9%, chủ yếu thực hiện các công trình trọng điểm của tỉnh, công trình thực hiện theo chương trình nông thôn mới. Đồng thời tiếp tục thực hiện việc giải ngân các nguồn vốn đầu tư; tập trung và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 4.628,4 tỷ đồng, tăng 10,29%, chủ yếu đầu tư trong xây dựng, sửa chữa nhà ở, đầu tư cho sản xuất kinh doanh như đầu tư tái canh cây cà phê, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đầu tư mở rộng quy mô ngành thương mại, vận tải cá thể.....; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 34,9 tỷ đồng, chủ yếu thực hiện các khoản mục đầu tư mua sắm máy móc thiết bị không qua XDCB, bổ sung vốn lưu động và sửa chữa nâng cấp tài sản cố định... của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Giao thương giữa Việt Nam và các quốc gia khác vẫn tiếp tục được tăng cường, các mặt hàng xuất khẩu được tập trung đẩy mạnh. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tỉnh Lâm Đồng tập trung chủ yếu các doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến nông sản xuất khẩu được đầu tư xây dựng và mở rộng sản xuất trong quý I năm 2023. Các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư mới, nhất là đầu tư FDI. Đối với các dự án đã và đang đầu tư các nhà đầu tư tiếp tục tăng cường vốn.



Đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 3/2023 ước đạt 223,4 tỷ đồng, tăng 2,8% so với cùng kỳ. Nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 196,2 tỷ đồng, tăng 4,72% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 138,7 tỷ đồng; vốn Trung

ương hỗ trợ theo mục tiêu đạt 6,7 tỷ đồng; vốn từ xổ số kiến thiết đạt 48,1 tỷ đồng và nguồn vốn khác đạt 2,7 tỷ đồng. Nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 27,2 tỷ đồng, giảm 9,15% so với cùng kỳ. Trong đó; vốn cân đối ngân sách huyện đạt 25,3 tỷ đồng; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 0,9 tỷ đồng và nguồn vốn khác đạt 0,9 tỷ đồng.



Dự ước quý I năm 2023 nguồn vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 598,4 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cùng kỳ. Nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 530 tỷ đồng, tăng 13,36% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 360,4 tỷ đồng; vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu đạt 26,2 tỷ đồng; vốn từ xổ số kiến thiết đạt 140,7 tỷ đồng và nguồn vốn khác đạt 2,7 tỷ đồng. Nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 68,4 tỷ đồng, giảm 1,12% so với cùng kỳ; trong đó; vốn cân đối ngân sách huyện đạt 64,1 tỷ đồng; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 1,6 tỷ đồng và nguồn vốn khác đạt 2,8 tỷ đồng.

Tính đến tháng 3/2023, trên địa bàn tỉnh có 300 công trình xây dựng cơ bản tiếp tục triển khai; trong đó một số công trình lớn như: Nâng cấp mở rộng đèo Prenn, công viên Yersin (giai đoạn 3), cải tạo, nâng cấp Trung tâm hành chính thành phố Đà Lạt, nâng cấp mương thoát nước đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn nút giao Nguyễn Công Trứ đến nút giao Phan Đình Phùng), xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự và sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh trụ sở UBND phường 10, thành phố Đà Lạt; nâng cấp, mở rộng đường ĐH,12 (đoạn từ ngã ba Trường THPT Pró đến cầu Sắt xã Tu Tra), xây dựng Công viên 2/4 huyện Đơn Dương; nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn đi từ ĐT725 vào buôn Đạ Nhar - lên khu sản xuất cao su tập trung xã Quốc Oai, đường liên xã Triệu Hải - Đạ Pal, đường giao thông đi từ đường ĐT 725 vào đường liên xã Quốc Oai - Mỹ Đức - Quảng Trị, nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường ĐT721 vào thôn Hương Sơn, Hương Thủy, Hương Thanh xã Đạ lầy, nạo vét suối Tân Lập, trung tâm văn hóa

thông tin thể thao huyện Đa Huoai; xây dựng đường nội thị TDP 6, thị trấn Phước Cát, đường ĐH 93 (Bù Khiêu - Đức Phở), đường 3L, 3K, K5, K10 thị trấn Cát Tiên, xây dựng đường 3Q, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên.

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp³

Đăng ký kinh doanh: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới từ đầu tháng đến ngày 17/3/2023 có 100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 383,9 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước giảm 5,7% về số lượng và giảm 41,4% về vốn đăng ký. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 17/3/2023 có 291 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.595,8 tỷ đồng, giảm 13,4% về số lượng và giảm 49,6% về vốn đăng ký.

Tạm ngừng kinh doanh, giải thể: Tính từ đầu tháng đến ngày 17/3/2023 có 19 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 18,8%; 11 doanh nghiệp giải thể, tăng 175%; 11 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 35,3% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 17/3/2023 có 303 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 31,7%; 108 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 32,9% và 39 doanh nghiệp giải thể, giảm 17% so với cùng kỳ.

6. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong quý I/2023, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tập trung sản xuất chủ yếu cây hàng năm vụ Đông Xuân 2022 - 2023; tiếp tục đầu tư tưới tiêu, chăm sóc, tủa cành, bón phân cho cây lâu năm theo mùa vụ. Hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tập trung chủ yếu cho công tác quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng mùa khô 2022-2023, nghiệm thu lâm sinh 2022; tiếp tục chuyển giao, hợp đồng giao khoán quản lý bảo vệ rừng đến các hộ và tổ chức nhận khoán; tận thu khai thác gỗ và lâm sản khác theo kế hoạch.

6.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

***Gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân 2022 - 2023:**

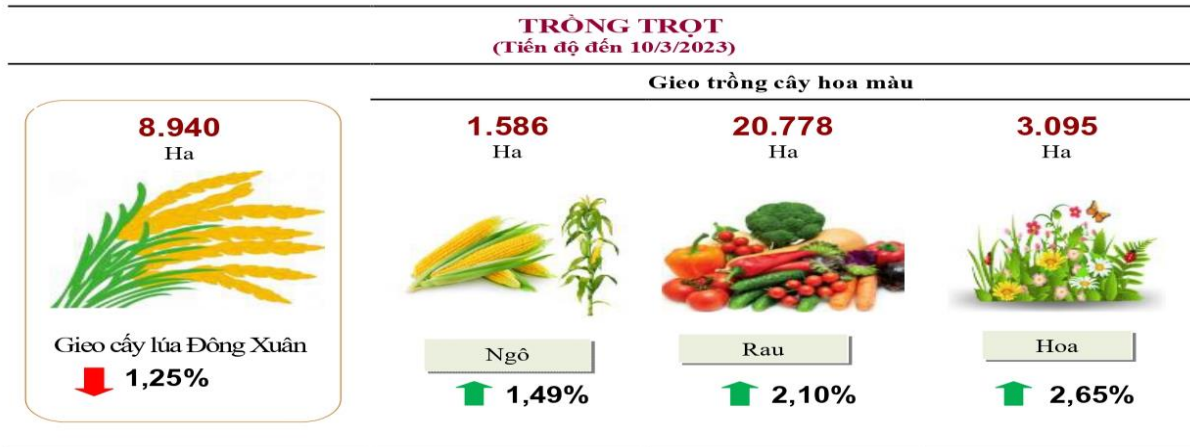
Tính từ đầu vụ đến ngày 10/3/2023 xuống giống được 40.933,5 ha cây hàng năm các loại, đạt 95,89% so với kế hoạch, tăng 1,63% (+654,6 ha) so với cùng kỳ, cụ thể:

Cây lúa gieo cấy 8.940 ha, chiếm 21,84% tổng diện tích gieo trồng trong vụ, đạt 100,96% kế hoạch, giảm 1,25% so với cùng kỳ.

Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hàng năm khác: Cây ngô gieo trồng 1.586 ha, tăng 1,49%; rau các loại gieo trồng 20.778 ha, tăng 2,1% (+428 ha) so với cùng kỳ, do thời tiết thuận lợi, việc thu hoạch rau ở vụ trước nhanh. Diện tích hoa các loại gieo trồng 3.095 ha, tăng 2,65% (+80 ha), chủ yếu rau và

³ Nguồn: Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng

hoa được gieo trồng ở thành phố Đà Lạt và các huyện Đức Trọng, Lạc Dương, Đơn Dương. Sản xuất hoa hiện đang được chú trọng với nhiều giống hoa mới thích nghi với điều kiện tự nhiên và có giá trị kinh tế cao được nhân rộng, người dân tích cực đầu tư, mở rộng diện tích đáp ứng nhu cầu tiêu dùng như mở rộng diện tích đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hoa tươi trong các ngày rằm, ngày Lễ tình nhân, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3....



* Thu hoạch vụ đông xuân 2022 - 2023:

Tính đến ngày 10/3/2023 toàn tỉnh thu hoạch được 27.861 ha cây hằng năm các loại, đạt 68,06% diện tích gieo trồng, tăng 3,87% (+1.037 ha) so với cùng kỳ. Tiến độ thu hoạch tăng so với cùng kỳ chủ yếu ở cây rau, hoa các loại.

Thu hoạch lúa được 4.125 ha, đạt 46,19% diện tích gieo trồng, tăng 3,07% (+123 ha) so với cùng kỳ; năng suất bình quân ước đạt 59 tạ/ha, tăng 1,39% (+0,81 tạ/ha) so với cùng kỳ, do người nông dân chủ động trong gieo trồng đúng thời vụ, sử dụng các loại giống lúa có năng suất, chất lượng cao, mặt khác tình hình sâu bệnh phát hiện kịp thời.

Thu hoạch một số cây hàng năm khác: + Diện tích ngô thu hoạch 202 ha, đạt 12,74% diện tích gieo trồng, tăng 5,21% (+10 ha) so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 74,5 tạ/ha, tăng 1,44% so với cùng kỳ.

+ Diện tích rau các loại thu hoạch 19.450 ha, đạt 93,64% diện tích gieo trồng, tăng 4,23% (+798 ha) so với cùng kỳ; năng suất bình quân chung ước đạt 366,5 tạ/ha; sản lượng ước đạt 712.842,5 tấn, tăng 4,24% (+28.990 tấn) so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng diện tích thu hoạch.

+ Diện tích hoa các loại thu hoạch 1.950 ha, đạt 63% diện tích gieo trồng, tăng 2,9% (+55 ha); sản lượng ước đạt 593 triệu cành, tăng 2,98% (+17,2 triệu bông) so với cùng kỳ, do sản xuất được áp dụng nông nghiệp công nghệ cao nên năng suất tăng, mặt khác dịch bệnh trên cây hoa được khống chế.

Cây lâu năm: Một số cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là cây cà phê với diện tích hiện có 175.915,7 ha, giảm 0,09%; cây điều diện tích hiện có

18.730,5 ha, giảm 9,2%; cây chè với diện tích 10.017,5 ha, giảm 3,67% so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch một số cây lâu năm trong kỳ: Sản lượng chè ước đạt 27.650,2 tấn, giảm 1,8%; điều thu hoạch ước đạt 4.772,4 tấn, giảm 1,6%; sản lượng tiêu thu hoạch đạt 1.539 tấn, tăng 2,6%; cao su sản lượng đạt 299,4 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ.

* *Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng tháng 03/2023*: Trên cây ngô, sâu keo mùa thu gây hại 88,7 ha; trên cây cà chua, bệnh xoắn lá virus gây hại 124,1 ha; trên hoa cúc, bệnh virus gây hại 25 ha; trên cà phê chè, bọ xít muỗi gây hại nhẹ 1.552,7 ha; trên cây điều, bọ xít muỗi gây hại 4.389 ha; bệnh thán thư gây hại 4.732 ha; trên cây dâu tằm: bệnh tuyến trùng gây hại 588,1 ha.

***Tình hình chăn nuôi**

Tổng đàn vật nuôi đến thời điểm 10/03/2023: Tổng đàn trâu hiện có 14.263 con, tăng 1,76%; tổng đàn bò 101.374 con, tăng 2,22%; tổng số heo là 414.387 con, giảm 6,87%, tổng đàn lợn giảm là do giá giảm trong quý III, quý IV năm 2022 nên ảnh hưởng đến đầu tư tái đàn trong quý I/2023; tổng số đàn gà 5.348,75 nghìn con, tăng 4,35% so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong quý I năm 2023 (đến 10/03/2023): Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 256,3 tấn, tăng 4,59%; sản lượng thịt bò hơi xuất đạt 1.506,7 tấn, tăng 2,5%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 18.017,3 tấn, tăng 3,17%; sản lượng thịt gà đạt 4.758,2 tấn, tăng 3,63% so với cùng kỳ.

Sản lượng, sản phẩm không qua giết mổ: Sản lượng sữa bò đạt 26.546 tấn, tăng 6,25%; sản lượng trứng gà đạt 4.758,2 ngàn quả, tăng 3,63% so với cùng kỳ.



Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Duy trì thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh theo quy trình kiểm dịch. Từ đầu năm đến 10/3/2023 kiểm dịch xuất tỉnh: 440 con trâu, bò (giảm 4,9% so với cùng kỳ), 246.750 con lợn (trong đó 187.400 con lợn giống), tăng 2,2%; 6,41 triệu con gà (trong đó 6,08 triệu con gà giống), tăng 16,3%; 507.220 con vịt (tăng 27,4%);

45 con dê; 30 con chó, mèo; 661.000 con thủy sản các loại; 2,6 tấn thịt các loại (tăng 13%), 510,8 tấn sản phẩm khác (chủ yếu nhộng tằm, phủ tạng), giảm 7,6%; 30,2 tấn phế vụn tơ tằm và 2.490 tấm da bò (tăng 2,1%). Kiểm dịch nhập tỉnh: 210 con trâu bò, 56.650 con lợn và 635.740 con gia cầm để sản xuất.

6.2. Tình hình sản xuất lâm nghiệp

Trồng và chăm sóc nuôi dưỡng rừng: Tiếp tục triển khai thực hiện công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng với diện tích 401.042,84 ha. Trong đó, bằng nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng 329.715,67 ha.

Khai thác gỗ và lâm sản: Ước tính trong tháng 03/2023 sản lượng gỗ tròn các loại khai thác ở các loại hình kinh tế trong tỉnh 2.779 m³, tăng 5% (+68 m³); sản lượng củi khai thác 7.131,2 ster, giảm 1,79% (-123,3 ster) so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm đến nay khai thác 11.150,9 m³ gỗ tròn các loại, tăng 1,7% (+68,8 m³); sản lượng củi khai thác 22.679 ster, giảm 0,54% (-123,4 ster).

Phòng chống chữa cháy rừng: Tính từ đầu năm đến ngày 10/3/2023, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 04 vụ cháy trong rừng với diện tích 11,35 ha.

Tình hình vi phạm lâm luật: Trong tháng 3/2023 đã phát hiện 10 vụ (gồm: 09/10 vụ đã xác định đối tượng vi phạm, chiếm 90% và 01/10 vụ chưa xác định đối tượng vi phạm, chiếm 10%); diện tích thiệt hại do phá rừng 4,63 ha; khối lượng lâm sản thiệt hại (04 hành vi) 20,52 m³. Tổng số vụ đã xử lý 20 vụ; trong đó: xử lý hành chính 19 vụ, chuyển xử lý hình sự 01 vụ; tịch thu 32,8 m³ gỗ tròn/xẻ các loại; thu nộp ngân sách hơn 162 triệu đồng. Tổng số vụ vi phạm từ đầu năm đến 10/3/2023 là 47 vụ, diện tích thiệt hại do phá rừng 6,56 ha, lâm sản thiệt hại (04 hành vi) là 155,9 m³. Tổng số vụ vi phạm đã xử lý 52 vụ, trong đó: xử lý hành chính 48 vụ, chuyển xử lý hình sự 04 vụ, tịch thu 101 m³ gỗ tròn/xẻ các loại, thu nộp ngân sách hơn 557 triệu đồng.

Công tác cho thuê rừng, đất lâm nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 322 dự án/307 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao, cho thuê đất để đầu tư triển khai dự án, với tổng diện tích là 52.722 ha (đã trừ diện tích thu hồi một phần). Đến nay, tổng số dự án đã thu hồi 208 dự án/30.469 ha; (gồm: 172 dự án thu hồi toàn bộ/26.226 ha và 36 dự án thu hồi một phần/4.242 ha) do không triển khai thực hiện dự án hoặc triển khai chậm tiến độ đã được phê duyệt...

6.3. Thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản: Trong quý I/2023 (ước đến 31/3/2023) đạt 2.252,3 ha, giảm 0,71% (-16,5 ha) so với cùng kỳ, do nguồn nước không ổn định, một số diện tích ao, hồ nuôi kém hiệu quả bị san lấp để chuyển sang trồng dâu nuôi tằm, trồng cây ăn trái hoặc xây nhà cửa. Diện tích nuôi trồng thủy sản hiện nay phổ biến là nuôi cá có 2.251 ha, chiếm 99,96%.

Sản lượng thủy sản: Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng quý I/2023 ước đạt 2.842 tấn, tăng 4,52% so với cùng kỳ, trong đó: sản lượng thủy

sản khai thác 88,2 tấn, chiếm 3,1%, giảm 3,41%, do sản lượng thủy sản khai thác ngày một cạn kiệt. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 2.754,5 tấn, chiếm 96,9%, tăng 4,8% (+126,1 tấn) so với cùng kỳ.

Về sản xuất giống thủy sản ước đạt 3,8 triệu con, tăng 2,2% (+0,19 triệu con) so với cùng kỳ.

7. Sản xuất công nghiệp

Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn hoạt động ổn định, đáp ứng các đơn hàng đã ký và nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu, tháng 3 và quý I năm 2023 tăng trưởng so với cùng kỳ, tăng chủ yếu ngành công nghiệp khai khoáng, cung cấp nước và chế biến; bên cạnh đó ngành sản xuất và phân phối điện do duy trì công suất chạy máy phát điện cung cấp cho hệ thống điện quốc gia, đồng thời đảm bảo yêu cầu an toàn cho hệ thống hồ, đập, sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch điều động của Trung tâm điều động điện quốc gia nên trong tháng 3 và quý I có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ.

7.1. Sản xuất công nghiệp ước tháng 3 năm 2023

Dự ước chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Lâm Đồng trong tháng 3 năm 2023 tăng 1,5% so với cùng kỳ. Tăng ở hầu hết các ngành công nghiệp, trong đó: Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,19%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,35%; ngành khai khoáng tăng 4,04%; riêng ngành sản xuất, phân phối điện giảm 4,15%.

Sản phẩm ngành công nghiệp khai khoáng: Cao lanh đạt 30,2 ngàn tấn, tăng 38,93% ; đá xây dựng ước đạt 187,8 ngàn m³, giảm 12,33% so với cùng kỳ.

Các sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: Chè (trà) nguyên chất đạt 1.608 tấn, tăng 60,38%; sợi len lông cừu đạt 180 tấn, tăng 22,45%; bôxít nhôm đạt 65 ngàn tấn, tăng 3,26%; phân bón NPK đạt hơn 7 ngàn tấn, giảm 38,66%; bê tông trộn sẵn đạt 39,5 ngàn tấn, giảm 38,09%; bia đóng lon đạt 10,3 triệu lít, giảm 0,42%.

Sản phẩm điện sản xuất của 37 nhà máy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đạt 717 triệu kwh, giảm 7,65%; sản phẩm nước uống được đạt 3,1 triệu m³, tăng 13,58% so với cùng kỳ.

7.2. Sản xuất công nghiệp dự tính quý I năm 2023

Dự ước chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong quý I năm 2023 tăng 3,14% so với cùng kỳ. Tăng ở hầu hết các ngành công nghiệp, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 17,12%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,51%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,66%; riêng ngành sản xuất, phân phối điện giảm 3,04%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I hàng năm so với cùng kỳ

	(%)			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Toàn ngành công nghiệp	106,44	110,56	115,34	103,14
1. Khai khoáng	98,55	108,73	123,86	117,12
2. Chế biến, chế tạo	111,10	106,86	107,91	107,66
3. Sản xuất, phân phối điện	100,92	117,08	125,64	96,96
4. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,92	103,80	104,50	108,51

Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng: tăng 17,12% so với cùng kỳ, tăng chủ yếu là ngành khai khoáng khác như khai thác cát, sỏi cao lanh... tăng 17,02%.

Chỉ số sản xuất ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo: tăng 7,66% so với cùng kỳ; tăng chủ yếu ở các ngành: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 194,57%; ngành dệt tăng 53,58%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 39,07%; chế biến thực phẩm tăng 3,87%; sản xuất kim loại tăng 3,27%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 1,98%. Một số ngành giảm như: Ngành sản xuất thuốc hóa dược giảm 63,65%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 37,43%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 37,15%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 22,35%; ngành sản xuất trang phục giảm 9,02%; sản xuất đồ uống giảm 4,93%;

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí: giảm 3,04% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: tăng 8,51% so với cùng kỳ; trong đó: khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 10,36% và hoạt động thu gom rác thải tăng 1,76% so với cùng kỳ.

Sản phẩm ngành công nghiệp khai khoáng: cao lanh đạt gần 74 ngàn tấn, tăng 80,6%; đá xây dựng đạt 496,9 ngàn m³, giảm 7,47% so với cùng kỳ.

Các sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: Chè (trà) nguyên chất đạt 3.581 tấn, tăng 11%; bia đạt 24,4 triệu lít, tăng 5,12%; bôxít nhôm đạt 181,3 ngàn tấn, tăng 3,27%; phân bón NPK đạt 11,8 ngàn tấn, giảm 37,15%; rau ướp lạnh đạt 4.659 tấn, giảm 16,2%; sản phẩm bê tông trộn sẵn đạt 114 ngàn tấn, giảm 15,07%; sợi len lông cừu đạt 458 tấn, giảm 6,31% so với cùng kỳ.

Sản phẩm điện sản xuất của 37 nhà máy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đạt 1.785 triệu kwh, giảm 7,05%; sản phẩm nước uống được đạt 9,1 triệu m³, tăng 10,36% so với cùng kỳ.



*** Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I năm 2023 tăng 2,35% so với cùng kỳ, tăng chủ yếu ở các ngành: ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 368,75%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 267,12%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 80,56%; ngành dệt tăng 51,62%; chế biến thực phẩm tăng 24,2%; ngành sản xuất kim loại tăng 9,27%. Các ngành khác có chỉ số tiêu thụ giảm so với cùng kỳ như ngành sản xuất đồ uống giảm 37,24%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 33,83%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 12,34%. Nhìn chung chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I năm 2023 tăng so với cùng kỳ là một tín hiệu tốt trong thời gian nền kinh tế nói chung và sản xuất công nghiệp nói riêng đang chịu ảnh hưởng của những biến động chưa tích cực từ tình hình kinh tế thế giới.

*** Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:** Đến cuối tháng 3 năm 2023 tăng 17,45% so với cùng kỳ, chủ yếu ở các nhóm ngành: Sản xuất sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 116,24%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 19,18%; chế biến thực phẩm tăng 18,86%. Các ngành khác có chỉ số tồn kho giảm cao so với cùng kỳ như sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 29,01%; sản xuất chế biến gỗ giảm 22,93%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 17,68%.

*** Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp quý I năm 2023:**

Trong quý I năm 2023 chỉ số lao động của doanh nghiệp công nghiệp tăng 3,67% so với cùng kỳ. Chia theo ngành công nghiệp: Ngành khai khoáng tăng 7%;

ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,91%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0,1% và ngành cung cấp nước, xử lý rác thải tăng 0,13% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình: doanh nghiệp nhà nước tăng 2,25%; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 5,57% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,39%.

*** Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Nhận định xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong quý I năm 2023 so quý IV năm 2022 không khả quan khi có chỉ số cân bằng (CSCB) -16,39%; trong đó: trong đó: chỉ số khó khăn chủ yếu tập trung ở doanh nghiệp ngoài nhà nước có CSCB -24%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có CSCB -20%. Chia theo ngành kinh tế: ngành sản xuất chế biến thực phẩm -30,77%; ngành sản xuất đồ uống -33,33%; ngành sản xuất trang phục -100%; ngành in, sao chép bản ghi các loại -100%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất -100%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác -100%; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế -50%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ +12,5%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy +100%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu +100%; sản xuất kim loại +100% và ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn có CSCB +16,67%.

Nhận định xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong quý II năm 2023 so quý I năm 2023 có chỉ số cân bằng (CSCB) +27,87% xu hướng tăng ở tất cả các khu vực kinh tế; trong đó: thuận lợi tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp nhà nước +66,67%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có CSCB +60%, doanh nghiệp ngoài nhà nước có CSCB +20%. Chia theo ngành kinh tế: ngành sản xuất chế biến thực phẩm có CSCB +15,38%; ngành dệt có CSCB +37,5%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ có CSCB +12,5%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy có CSCB +100%; ngành in có CSCB +100%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có CSCB +100; ngành sản xuất thuốc có CSCB +100%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic có CSCB +66,67; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có CSCB +100%; ngành sản xuất kim loại có CSCB +100% và ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn có CSCB +33,33%.

Nhìn chung trong quý tiếp theo (quý II năm 2023 so với quý I/2023), hầu hết các doanh nghiệp nhận định môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, cụ thể là chỉ tiêu tình hình sản xuất kinh doanh có chỉ số cân bằng +27,87%, với nhận định nền kinh tế dần ổn định, thị trường trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi theo hướng dần giảm bớt khó khăn, đồng nghĩa với thuận lợi ngày càng tăng giúp các

doanh nghiệp lạc quan hơn, đầu tư hơn và kỳ vọng sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn trong thời gian tới.

8. Thương mại, dịch vụ

8.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong tháng 3 và quý I năm 2023 tiếp tục tăng trưởng; nhiều ngành, lĩnh vực phát triển ổn định; hàng hóa trên thị trường dồi dào, chủng loại phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng; các siêu thị và trung tâm thương mại đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi lớn khi mua hàng hóa nhằm kích cầu tiêu dùng.

Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 3/2023 đạt 6.027,5 tỷ đồng, tăng 30,2% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 26,88%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý I năm 2023 ước đạt 19.557,8 tỷ đồng, tăng 22,21% so với cùng kỳ (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 18,37%).



Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 3/2023 ước đạt 4.392,6 tỷ đồng, tăng 41,75% so với cùng kỳ, có 09/12 nhóm hàng hóa tăng từ 6,72% đến 80,57%, một số nhóm hàng hóa có doanh thu tăng cao như nhóm vật phẩm, văn hóa, giáo dục doanh thu đạt 47,8 tỷ đồng, tăng 80,57%; nhóm xăng dầu các loại đạt 457,3 tỷ đồng, tăng 69,12%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 511,5 tỷ đồng, tăng 68,28%, do năm 2023 nhiều dự án đầu tư công có quy mô lớn khởi công, hoạt động xây dựng diễn ra sôi động hơn dẫn đến nhu cầu về sắt, thép, xi măng,... tăng cao; nhóm hàng may mặc đạt 230,8 tỷ đồng, tăng 67,75% so với cùng kỳ; có 03/12 nhóm hàng hóa doanh thu giảm từ 0,51% đến 29,46%, nhóm hàng hóa khác đạt 71,9 tỷ đồng, giảm nhiều nhất với 29,46% so với cùng kỳ. Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa quý I năm 2023 đạt 14.184,1 tỷ đồng, tăng 28,1% so với cùng kỳ; có 09/12 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng từ 7,22% đến 55,96%

(nhóm đá quý, kim loại quý doanh thu đạt 316,4 tỷ đồng, tăng nhiều nhất với 55,96%) và 03/12 nhóm hàng hóa có doanh thu giảm từ 2,51% đến 19,78% so với cùng kỳ.



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 3/2023 ước đạt 902,7 tỷ đồng, tăng 7,67% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 164,5 tỷ đồng, tăng 3,79%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 738,2 tỷ đồng, tăng 8,57% so với cùng kỳ; tổng lượt khách ngủ qua đêm tại các cơ sở lưu trú trong tháng 3/2023 đạt 405,6 nghìn lượt khách, tăng 10,52% so với cùng kỳ; trong đó, khách trong nước đạt 370,9 nghìn lượt khách, tăng 1,54%. Dự ước quý I năm 2023 doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 3.123,4 tỷ đồng, tăng 10,15% so với cùng kỳ năm trước; tổng lượt khách ngủ qua đêm tại các cơ sở lưu trú đạt 1.345,9 nghìn lượt khách, tăng 9,67% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 3/2023 ước đạt 728,8 tỷ đồng, tăng 5,96% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu các nhóm dịch vụ đều tăng từ 3,81% đến 10,16% so với cùng kỳ (tăng cao nhất là nhóm dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội với 10,16%). Dự ước trong quý I năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 2.239,6 tỷ đồng, tăng 7,38% so với cùng kỳ; doanh thu các nhóm dịch vụ tăng từ 2,96% đến 9,57% so với cùng kỳ.

8.2. Tình hình xuất, nhập khẩu

Xuất khẩu: Ước thực hiện tháng 3/2023 tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 74,3 triệu USD, tăng 52,61% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp trong nước xuất khẩu ước đạt 43,21 triệu USD, tăng 47,9%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,09 triệu USD, tăng 59,66% so với cùng kỳ. Trong quý I năm 2023 tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 211,4 triệu USD tăng 8,45% so với cùng kỳ và đạt 22,76% kế hoạch năm 2023, trong đó: Doanh nghiệp trong nước ước đạt 131,07 triệu USD, chiếm 62% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh,

tăng 12,07%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 80,33 triệu USD, chiếm 38% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, tăng 3,03% so với cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong quý I/2023: Mặt hàng Alumin và Hydroxit nhôm sản lượng xuất khẩu ước đạt 170,91 ngàn tấn, giá trị 58,34 triệu USD, tăng 35,66% về lượng và 14,8% về giá trị so với cùng kỳ, thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Ấn Độ, UAE. Mặt hàng cà phê nhân sản lượng xuất khẩu ước đạt 23,39 ngàn tấn, giá trị 46,17 triệu USD, tăng 34,77% về lượng và 38,68% về giá trị so với cùng kỳ, thị trường xuất khẩu chủ yếu là Ý, Mexico, Hà Lan, Indonesia. Mặt hàng chè chế biến, xuất khẩu sản lượng ước đạt 1,6 ngàn tấn và ước đạt giá trị 3,84 triệu USD, tăng 16,85% về lượng và 43,43% về giá trị so với cùng kỳ. Mặt hàng rau củ, quả thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản, Đài Loan, Hà Lan, Thái Lan, sản lượng xuất khẩu ước đạt 13,35 ngàn tấn và 20,34 triệu USD, tăng 100,82% về lượng và 36,38% về giá trị so với cùng kỳ. Hoa các loại thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản, Đan Mạch, Đài Loan, sản lượng xuất khẩu ước đạt 19,51 triệu USD, tăng 20,37% so với cùng kỳ.

* **Nhập khẩu:** Dự ước kim ngạch nhập khẩu tháng 03 năm 2023 ước đạt 8,33 triệu USD, tăng 248,54% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu vẫn là nguyên liệu dệt và các sản phẩm dệt may; hạt giống, củ giống, hoa giống; kim loại; hóa chất; bao bì, máy móc,... Trong quý I năm 2023 giá trị nhập khẩu ước đạt 36,72 triệu USD, giảm 7,83% so với cùng kỳ và đạt 20,75% kế hoạch năm 2023.

8.3. Hoạt động vận tải

Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong tháng 3 và quý I năm 2023 tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng cao; lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ trong, ngoài tỉnh thông suốt, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 3/2023 đạt 859,9 tỷ đồng, tăng 152,83% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 800 tỷ đồng, tăng 163,1%; doanh thu kho bãi và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 55 tỷ đồng, tăng 73,48% so với cùng kỳ. Dự ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I năm 2023 đạt 2.593,7 tỷ đồng, tăng 164,41% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 3/2023 ước đạt 275,8 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần, khối lượng vận chuyển đạt 5,2 triệu hành khách, tăng 165,18% và khối lượng luân chuyển đạt 565,5 triệu hành khách.km, tăng 173,89% so với cùng kỳ. Doanh thu vận tải hành khách quý I năm 2023 ước đạt 845,8 tỷ đồng, tăng 193,52%; khối lượng vận chuyển đạt 15,9 triệu hành khách, tăng 179,47% và khối lượng luân chuyển đạt 1.726,6 triệu hành khách.km, tăng 181,25% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách quý I năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	15,9	1.726,6	+179,47	+181,25
Đường bộ	15,9	1.726,4	+280,72	+181,31
Đường thủy nội địa	...	0,2	-30,81	-1,49

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 3/2023 ước đạt 524,6 tỷ đồng, tăng 142,7%, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 4,9 triệu tấn, tăng 104,57% và khối lượng luân chuyển đạt 327,2 triệu tấn.km, tăng 110,74% so với cùng kỳ. *Doanh thu vận tải hàng hoá quý I năm 2023* ước đạt 1.571,1 tỷ đồng, tăng 171,14%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 14,8 triệu tấn, tăng 148,11% và khối lượng luân chuyển đạt 991,4 triệu tấn.km, tăng 121,95% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa quý I năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	14,8	991,4	+148,11	+121,95
Đường bộ	14,8	991,4	+148,11	+121,95

9. Các vấn đề xã hội

9.1. Tình hình chung về việc làm của người lao động

Quy mô lực lượng lao động: Dự ước vào thời điểm 31/3/2023, tỉnh Lâm Đồng có khoảng 805.600 người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động; trong đó, 800.800 người có việc làm và 4.800 người thất nghiệp (giảm 2.923 người so cùng kỳ và giảm 14 người so với 31/12/2022). Trong tổng số lực lượng lao động của tỉnh, nữ giới chiếm tỷ trọng thấp hơn nam giới (47,8% nữ giới so với 52,2% nam giới). Bước sang quý I năm 2023, thực trạng lao động việc làm của tỉnh Lâm Đồng so với cả nước và vùng Tây Nguyên có nhiều thuận lợi, đặc biệt là đối với ngành dịch vụ đang phục hồi nhanh. UBND tỉnh Lâm Đồng tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy việc tăng lao động tại khu vực này bằng các giải pháp thúc đẩy các chương trình giới thiệu việc làm và giải pháp thu hút lượng khách du lịch đến với tỉnh Lâm Đồng từ đó kéo theo lực lượng lao động có việc làm của địa phương tăng. Đối với sản xuất nông nghiệp việc làm nhìn chung ổn định, nhất là sản xuất rau, củ, hoa,... giá ổn định tăng, đã tạo cơ hội cho sản xuất và việc làm cho khá nhiều lao động.

Cơ cấu lao động có việc làm: Dự ước đến 31/3/2023 tỷ trọng LLLĐ ở khu vực nông thôn chiếm 62,49%, tương đương 500.421 người, cao gấp hơn 1,66 lần so với khu vực thành thị với 300.379 người (chiếm 37,51%). Cụ thể: Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản) và III (Dịch vụ) có tỷ trọng lao động chiếm chủ yếu trong tổng số lao động của cả nền kinh tế, trong đó khu vực “Nông, lâm nghiệp và thủy sản” giải quyết việc làm nhiều nhất, sử dụng gần hai phần ba lao động làm việc của toàn tỉnh, chiếm 66,12%; khu vực “Công nghiệp và xây dựng” chiếm 8,03% và khu vực “Dịch vụ” chiếm 25,85%. Điều đáng chú ý là trong tổng số lao động thuộc khu vực I của tỉnh Lâm Đồng thì số người làm thuê rất lớn, dao động theo mùa vụ trong năm và chiếm từ 10 đến 30% trong tổng số lao động thuộc khu vực I, có nghĩa là cứ 100 lao động thuần nông thì có khoảng 10-30 người làm thuê cho hộ nông nghiệp hoặc là công nhân trồng chăm sóc chè, làm thuê trồng chăm sóc rau, hoa,... cà phê.

Quy mô và tỷ lệ người thiếu việc làm, thất nghiệp trong độ tuổi lao động: Tại thời điểm 31/3/2023 toàn tỉnh Lâm Đồng có 13.250 người thiếu việc làm (tỷ lệ thiếu việc làm là 1,65%), trong đó khu vực nông thôn có 3.684 người (tỷ lệ là 0,74%), còn khu vực thành thị có 9.566 người thiếu việc làm, tương ứng tỷ lệ thiếu việc làm là 3,18%; qua số lượng người thiếu việc làm cho thấy nhu cầu làm thêm giờ vẫn còn cao, nguyên nhân do hiện nay với mức thu nhập của người dân vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về cuộc sống. Quý I/2023 thị trường lao động tỉnh Lâm Đồng tiếp tục duy trì đà phục hồi và có nhiều mặt khởi sắc. Với đà phục hồi đó, dự báo tình hình lao động việc làm quý I năm 2023 sẽ là bức tranh có nhiều mảng sáng. Trong thời gian tới với việc cải cách chính sách tiền lương của Chính phủ và kiểm soát tốt được lạm phát, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện sẽ giảm bớt được phần nào tình trạng thiếu việc làm. Lúc này người lao động sẽ tập trung hơn cho các công việc chính mà mình đang làm. Tỷ lệ thất nghiệp tại thời điểm 31/3/2023 là 0,60%, tương đương với 4.800 người thất nghiệp, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 1,15%, tương đương với 3.442 người, khu vực nông thôn có 1.358 người thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp là 0,27%. Hiện số người đủ điều kiện đang được hưởng chi trả bảo hiểm thất nghiệp là 2.973 người, còn lại thất nghiệp thuộc lực lượng lao động trẻ và thất nghiệp tiềm tàng có 2.544 người.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tại thời điểm 31/3/2023 so với cùng kỳ 31/3/2022 đã giảm nhanh, điều này đã nói lên nền kinh tế của Lâm Đồng đang phục hồi tích cực, tuy nhiên số người thiếu việc làm vẫn còn ở mức cao, qua đó đòi hỏi các cấp, các ngành quan tâm, triển khai các chương trình kích cầu, thúc đẩy thị trường nội địa, tổ chức liên kết các nhà cung cấp dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, góp phần giảm thiểu về thiệt hại về kinh tế, an sinh xã hội, việc làm và thu nhập của người dân trên các lĩnh vực. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì tăng trưởng sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đối với nông sản sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh... Hiện nay, bên cạnh việc phát

triển kinh tế, các chính sách an sinh xã hội được tỉnh Lâm Đồng hết sức được chú trọng như: chi hỗ trợ cho các đối tượng thu nhập thấp, tạo việc làm mới, quan tâm đầu tư lớn đến những vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo và hộ cận nghèo và hỗ trợ nông dân.

9.2. Hoạt động văn hóa - tuyên truyền

Công tác quản lý nhà nước: Trong tháng, ngành văn hóa - thể thao và du lịch tỉnh Lâm Đồng duy trì và triển khai nhiều hoạt động, đảm bảo tốt nhiệm vụ chính trị, triển khai cho các đội thông tin lưu động kết hợp với hoạt động văn hoá văn nghệ, chiếu bóng phục vụ, tuyên truyền cổ động tại các địa bàn trong tỉnh, Đoàn Ca múa Nhạc Dân tộc tổ chức lưu diễn phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; tổ chức kiểm tra các hoạt động lễ hội, quảng cáo, các giải thể thao và cơ sở lưu trú du lịch.

Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan và văn hóa: Công tác tuyên truyền được quan tâm thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở với các hình thức tuyên truyền lưu động và cổ động trực quan, treo dựng 2.382 m² pano, băng rôn, cờ phướn các loại với các chủ đề như Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023), tuyên truyền Mừng Đảng Quang vinh - Mừng xuân Quý Mão năm 2023, kỷ niệm 110 năm ngày sinh đồng chí Huỳnh Tấn Phát (15/02/1913 - 15/02/2023), tuyên truyền chào mừng kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về Văn hóa Việt Nam (1943 - 2023), tuyên truyền trên hệ thống Pano tuyến đường cao tốc Liên Khương - Prenn, thay mới nội dung tuyên truyền trên hệ thống Pano giáp ranh (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk) ...

9.3. Hoạt động thể dục - thể thao

Thể thao thành tích cao: Tham gia giải vô địch Việt dã leo núi “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá” lần thứ 28 năm 2023 tại tỉnh Bình Phước từ ngày 01-07/01/2023, giải cầu lông Challege quốc tế tại Hà Nội từ ngày 21-26/3/2023, giải vô địch Kickboxing quốc gia năm 2023 tại tỉnh Gia Lai từ ngày 28/2-13/3/2023, giải vô địch cử tạ thanh thiếu niên quốc gia năm 2023 tại tỉnh Lâm Đồng từ ngày 03-13/3/2023, giải vật cúp “Lê Ngọc Vân” quốc gia lần thứ nhất năm 2023 tại Hà Nội từ ngày 22-26/02/2023, giải vô địch cờ vua quốc gia năm 2023 tại thành phố Vũng Tàu từ ngày 28/02-12/3/2023, tổng số huy chương đạt được là 22 huy chương (13 huy chương vàng, 03 huy chương bạc, 06 huy chương đồng).

Hoạt động phong trào: Phối hợp tổ chức giải vô địch cờ tướng quốc gia tại tỉnh Lâm Đồng từ ngày 10-20/01/2023, giải vô địch cử tạ thanh thiếu niên quốc gia tại Lâm Đồng từ ngày 05-12/3/2023, giải bóng chuyền hơi Nữ tỉnh tại thành phố Đà Lạt từ ngày 02-05/3/2023, Gala và thể dục dưỡng sinh Lâm Đồng mở rộng lần thứ III tại thành phố Đà Lạt từ ngày 14-16/3/2023. Phối hợp Tỉnh đoàn, UBND huyện Di Linh tổ chức giải Việt dã leo núi Brăh Vàng tại Di Linh từ ngày 25-26/3/2023 ...

9.4. Giáo dục - đào tạo

Trong Quý I năm 2023, Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lâm Đồng triển khai nâng cao chất lượng giáo dục, đánh giá sơ kết học kỳ I năm học 2022-2023 trong quý I cụ thể như sau:

- Giáo dục mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp ở các độ tuổi tăng so với cùng kỳ năm học trước, trẻ mầm non (0-5 tuổi) đạt 69,73%, tăng 1,27%; trẻ nhà trẻ đạt 26,97%, tăng 0,62%, trẻ mẫu giáo đạt 88,41%, tăng 5,92%.

- Giáo dục tiểu học: Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1 đạt 100%; triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của Bộ GDĐT, trong đó học sinh lớp 3 được học môn Tin học và Tiếng Anh đạt tỉ lệ 100%.

- Giáo dục trung học và giáo dục văn hóa trong các trung tâm GDTX: Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực dạy học chương trình GDPT 2018 cho 2.930 cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS và THPT.

Kết quả kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2022 - 2023: tỉnh Lâm Đồng đạt 26 giải (05 giải nhì, 10 giải ba và 11 khuyến khích). Hoàn thành tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 năm học 2022-2023, kết quả 893/1.906 học sinh đạt giải (43 giải nhất, 219 giải nhì, 270 giải ba, 361 giải khuyến khích); kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 năm học 2022-2023, kết quả 506/1.019 học sinh đạt giải (20 giải nhất, 121 giải nhì, 161 giải ba, 204 giải khuyến khích).

Tổ chức Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật lần thứ XV năm học 2022-2023, tham dự vòng sơ khảo cuộc thi có 156 dự án đến từ 67 đơn vị, trường học (12 phòng giáo dục đào tạo và 55 trường trực thuộc Sở). Ban Tổ chức đã chọn 83/156 dự án của 61 đơn vị (11 phòng GDĐT và 50 trường trực thuộc Sở) tham gia trưng bày poster tại cuộc thi, kết quả có 09 học sinh đạt giải nhất, 24 học sinh đạt giải nhì, 43 học sinh đạt giải ba, 78 học sinh đạt giải tư và chọn 02 đề tài tham dự Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia năm học 2022-2023.

9.5. Y tế

Trong quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh không phát hiện trường hợp cúm A (H5N1), (H7N9), bạch hầu và bệnh tiêu chảy cấp nguy hiểm, không phát hiện ca bệnh lạ, nhằm bảo vệ sức khỏe của nhân dân và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào. Từ đầu năm 2023 đến nay, toàn tỉnh đã ghi nhận 36 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó, hiện đang điều trị 02 trường hợp kết thúc điều trị 34 trường hợp, không có bệnh nhân tử vong. Tích lũy đến thời điểm báo cáo toàn tỉnh Lâm Đồng đã ghi nhận 138.773 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó, hiện đang điều trị 02 trường hợp, kết thúc điều trị 138.607 trường hợp, về địa phương khác 16 trường hợp và 148 bệnh nhân tử vong.

* Công tác phòng chữa bệnh từ đầu năm đến nay như sau:

- Bệnh tay chân miệng: Phát hiện 35 trường hợp, tăng 33 trường hợp so với cùng kỳ năm 2022; không có trường hợp tử vong do bệnh tay chân miệng.

- Công tác phòng chống bệnh phong: Duy trì tốt công tác loại trừ bệnh phong cấp huyện, thành phố theo 4 tiêu chuẩn của Bộ Y tế, không phát hiện bệnh nhân phong mới. Toàn tỉnh quản lý 124 bệnh nhân phong, chăm sóc tàn phế cho 124 bệnh nhân. Tiếp tục thực hiện các hoạt động phòng, chống phong theo quy định.

- Công tác phòng chống bệnh lao: Khám phát hiện 115 bệnh nhân. Toàn tỉnh quản lý điều trị 330 bệnh nhân lao và thực hiện các hoạt động phòng chống lao theo quy định.

- Công tác phòng chống bệnh sốt rét: Phát hiện 01 trường hợp mắc sốt rét. Duy trì thực hiện giám sát côn trùng, dịch tể tại các đơn vị, thực hiện lấy lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét theo quy định.

- Công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết: Khám phát hiện 664 trường hợp, tăng 113 trường hợp so với cùng kỳ, không có trường hợp sốt xuất huyết nặng và không có trường hợp tử vong do sốt xuất huyết.

- Công tác bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng: Tổ chức thực hiện các hoạt động của 142 xã, phường điểm triển khai Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng tại 12 huyện, thành phố trong tỉnh. Quản lý và điều trị cho 1.170 bệnh nhân tâm thần phân liệt, có 1.142 bệnh nhân tâm thần phân liệt điều trị đều, đạt tỉ lệ 97,6%, có 1.162 bệnh nhân tâm thần phân liệt được tái hòa nhập tại cộng đồng tỉ lệ 99,3%.

- Công tác tiêm chủng mở rộng: Tiêm chủng đầy đủ cho 4.585 trẻ dưới 1 tuổi. Tiêm viêm gan B sơ sinh trước 24h sau sinh cho 4.695 trẻ. Tiêm vắc xin sởi mũi 2 cho 3.623 trẻ em 18 tháng tuổi. Tiêm bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT) mũi 4 cho 4.694 trẻ 18 tháng tuổi. Tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản mũi 3 cho 3.374 trẻ. Tiêm phòng uốn ván 2+ cho 4.139 phụ nữ.

- Công tác phòng chống HIV/AIDS: Phát hiện 07 có mẫu dương tính với HIV đưa vào quản lý (tích lũy: 1.800 trường hợp); không có trường hợp chuyển AIDS mới (tích lũy: 289 trường hợp) và không có trường hợp tử vong do AIDS (tích lũy: 606 trường hợp).

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Từ đầu năm đến nay không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm đối với 4.074 cơ sở, có 338 cơ sở vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, chiếm tỷ lệ 8,3%. Đã nhắc nhở, chấn chỉnh 308 cơ sở, xử lý vi phạm đối với 32 cơ sở với tổng số tiền phạt 241 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện công tác khám chữa bệnh toàn tỉnh: Tổ chức khám bệnh cho 461.294 lượt bệnh nhân, đạt 19,8% so với kế hoạch năm, tăng 32,7% so với cùng kỳ; tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 36.907 người, tăng 14,6% so với

cùng kỳ; tổng số ngày điều trị nội trú 197.049 ngày, đạt 20,4% so với kế hoạch năm, giảm 4% so với cùng kỳ; số ngày điều trị nội trú trung bình/bệnh nhân là 5,2 ngày; công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh đạt 78,8%.

9.6. Tình hình môi trường

Vi phạm môi trường: Trong tháng 3 và quý I/2023 không có vụ vi phạm môi trường xảy ra.

Tình hình thiên tai: Từ đầu năm đến thời điểm báo cáo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng không có thiệt hại về thiên tai.

9.7. Tình hình an toàn giao thông

Tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh từ ngày 15/02/2023 đến ngày 14/3/2023 xảy ra 13 vụ, giảm 03 vụ so với cùng kỳ; số người chết là 06 người; số người bị thương là 07, giảm 04 người. Tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/3/2023, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông, giảm 06 vụ so với cùng kỳ; số người chết là 14 người, giảm 05 người; số người bị thương là 13 người, giảm 07 người so với cùng kỳ.

Trong tháng, đăng ký mới cho 536 ô tô và 4.386 mô tô, tổng số phương tiện hiện đang quản lý là 92.502 xe ô tô; 1.229.915 xe mô tô; 103 phương tiện đường thủy. Lực lượng Công an toàn tỉnh phát hiện, xử lý 5.354 trường hợp vi phạm luật giao thông; tổng số tiền xử phạt gần 10,1 tỷ đồng; tước 895 giấy phép lái xe; tạm giữ 213 ô tô, 916 mô tô.

10. Một số nhiệm vụ chủ yếu cần triển khai trong quý II/2023

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, tình hình trong nước vẫn gặp khó khăn do áp lực lạm phát, giá cả xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào ở mức cao; tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường,... ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân. Lâm Đồng đề ra mục tiêu cụ thể tập trung vào phát triển tỉnh bền vững dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế, văn hoá xã hội và môi trường với đặc thù vốn có về cảnh quan, khí hậu... Các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh phát huy kết quả đạt được và tập trung khắc phục khó khăn, thách thức để nỗ lực, phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

Một là, tiếp tục thực hiện phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lợi thế của từng địa phương để tạo ra sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao đáp ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi cho phù hợp với yêu cầu sản xuất và thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu....

Hai là, tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại nông sản, công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, cây dược liệu nhằm khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Tổ chức triển khai các dự án sản xuất công nghiệp mới, thu hút đầu tư các Khu công nghiệp....

Ba là, huy động nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ hiện đại hạ tầng, xanh, thân thiện môi trường; đầu tư chỉnh trang hạ tầng, quản lý kiến trúc.... Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thanh toán giải ngân của từng dự án đầu tư công. Thúc đẩy sớm đưa vào khởi công tuyến cao tốc Tân Phú - Liên Khương; mở rộng sân bay Liên Khương, mở nhà máy luyện nhôm...).

Bốn là, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phát triển ổn định. Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; kịp thời có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kết nối mở rộng thị trường kinh doanh trong điều kiện nguyên liệu đầu vào tăng cao, nhất là mặt hàng xăng dầu, phân bón, thức ăn gia súc; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử; kích cầu tiêu dùng, duy trì hoạt động xuất khẩu. Thực hiện các giải pháp để kích cầu du lịch, đặc biệt trong dịp Hè, Lễ, Tết.

Năm là, tiếp tục duy trì tốc độ phát triển các ngành có tỷ trọng cao như ngành dịch vụ, công nghiệp chế biến... Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu lại nền kinh tế; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ; khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế, phát huy tính tự cường, tạo điều kiện phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...

Sáu là, tập trung đầu tư công tác văn hóa, giáo dục, nâng cao chất lượng y tế, an toàn thực phẩm, thực hiện tốt vấn đề an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; tập trung thực hiện có hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ các Chương trình mục tiêu quốc gia; cải cách hành chính; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.../.